

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23-10-2023

V/v: Không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Văn

Bà Dương Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2023 về việc “*Không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1958, nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962, nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hoàng Thị B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Xuất phát từ tình cảm yêu thương tự nguyện, bà và ông Nguyễn Văn T đã sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1981 đến năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, vui vẻ cho đến từ năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng tính tình không hòa hợp, hay cãi vã, xung đột nhau nên buộc phải mỗi người sống một nơi. Thời gian sống ly thân đã quá lâu, giữa bà và ông T nay không còn tình cảm vợ chồng và cũng không ai mong muốn hàn gắn lại hạnh phúc gia đình nên bà có yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn

T. Do vợ chồng chung sống không đăng ký kết hôn nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Tý là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung, bà và ông Nguyễn Văn T có 01 người con chung là chị Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 03/9/1982. Hiện chị Huyền đã có gia đình riêng, sống tự lập, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, các khoản nợ chung: Bà và ông Nguyễn Văn T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông cũng thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Hoàng Thị B về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông Tý đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng với bà Bê vì tình cảm vợ chồng đã không còn. Thống nhất với yêu cầu của bà Bê về việc không có yêu cầu giải quyết về con chung do chị Nguyễn Thị Thu Huyền- con chung duy nhất của vợ chồng hiện đã trưởng thành và sống tự lập; ông và bà Bê không có tài sản chung và nợ chung.

Tuy các đương sự đã thống nhất và thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án nhưng do không có đăng ký kết hôn nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa: Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1981 đến năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn, hiện bà Bê có yêu cầu ly hôn với ông Tý nên đây tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị B và bị đơn ông Nguyễn Văn T đều trình bày thống nhất nội dung: Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị B tự do tìm hiểu, tự nguyện về chung sống với

nhau như vợ chồng từ năm 1981 cho đến năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam. Như vậy quan hệ hôn nhân của ông Tý và bà Bê đã không tuân thủ theo quy định về kết hôn tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nên không có giá trị về mặt pháp lý. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột nên ông, bà đã sống ly thân từ năm 1995 cho đến nay. Thời gian sống ly thân đã quá lâu, vợ chồng không ai có sự quan tâm, chia sẻ với nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt và hiện tại cả hai đều nhận thấy không còn tình cảm dành cho nhau nên thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Tý và bà Bê là trầm trọng, cuộc sống chung trên thực tế đã không tồn tại trong một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và mong muốn được ly hôn nên căn cứ Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà Hoàng Thị B với ông Nguyễn Văn T.

[2.2]. Về con chung: Theo trình bày của bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Văn T và căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do bà Bê giao nộp, Hội đồng xét xử xác định bà Bê và ông Tý có 01 người con chung là chị Nguyễn Thị Thu Huyền, sinh ngày 03/9/1982, hiện chị Huyền đã trưởng thành và có cuộc sống riêng tự lập, cả ông Tý và bà Bê đều không có yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Văn T đều thống nhất xác định quá trình sống chung ông, bà không tạo lập được tài sản chung nào, không có nợ chung, thống nhất không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn bà Hoàng Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà Bê là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu miễn nộp số tiền án phí sơ thẩm đối với nguyên đơn.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, các điều 266, 267, 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều: 9, 14, 15 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị B

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Văn T.

1.2. Về con chung: Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Văn T thống nhất xác định có 01 (một) con chung là chị Nguyễn Thị Thu Huyền, sinh ngày 03/9/1982, hiện chị Huyền đã trưởng thành và có cuộc sống riêng tự lập, không yêu cầu giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Văn T thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn nộp do thuộc đối tượng người cao tuổi, bị đơn ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị B, bị đơn ông Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mỹ Hạnh